SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG; 13/10/2026; 11:46:01; +07:00

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11 /2026/QĐ-CTUBND	*Tuyên Quang, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 178/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang quy định tại khoản 2 Điều 9, điểm c khoản 12 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 4 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 24, điểm c khoản 2 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm b khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng cấp tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quản lý nhà nước về hạ tầng gồm:

a) Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng đô thị và tài sản kết cấu hạ tầng

khác theo quy định của pháp luật.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, hạ tầng đê điều và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

c) Sở Công Thương: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng khu công nghệ cao, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung) và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

e) Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

g) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

5. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý và cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã *(trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này)*.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng do Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt giá cung cấp dịch vụ đối với các dịch vụ quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định phê duyệt giá cung cấp dịch vụ khi khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt giá cung cấp dịch vụ khi khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản do các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản do các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản do các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản do các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 24 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan mình quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý giữa các

cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và giữa cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về cấp xã; điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước giữa các xã (trừ tài sản có nguyên giá trên 10 tỷ đồng/tài sản).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc đơn vị mình quản lý (trừ tài sản có nguyên giá trên 10 tỷ đồng/tài sản).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ tài sản có nguyên giá trên 10 tỷ đồng/tài sản).

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc đơn vị mình quản lý (trừ tài sản có nguyên giá trên 10 tỷ đồng/tài sản).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ tài sản có nguyên giá trên 10 tỷ đồng/tài sản).

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi sau khi thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi sau khi thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị mình quản lý và giữa cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi mình quản lý về cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi sau khi thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan mình quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn

hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Ban quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Như Điều 14 (Thi hành);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CVNCTH, KTTH (Tuân, Bích).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phan Huy Ngọc